



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 175, số 15, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Bùi Hoàng Tân - Tình hình sở hữu ruộng đất công ở huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên qua nghiên cứu tư liệu địa bạ năm Minh Mạng thứ 17 (1836)	3
Đoàn Thị Yến - Vua Tự Đức với vấn đề Công giáo trước và sau năm 1862	9
Trần Minh Thuận - Vấn đề ruộng đất và các cuộc đấu tranh tự phát của nông dân ở tỉnh Bạc Liêu thời Pháp thuộc	15
Đồng Văn Quân - Các kiểu chế độ dân chủ trong lịch sử và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay	21
Lê Thị Giang, Lê Thị Hương - Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người	27
Cao Thị Phương Nhung, Ngô Thị Quang - Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về công tác học tập lí luận trong tác phẩm “Diễn văn khai mạc lớp học lí luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc”	33
Lưu Thu Trang - Bi kịch của nhân vật Grigori Melekhov qua mối quan hệ với hai nhân vật nữ Aksinia và Natalia trong tác phẩm <i>Sông Đông êm đềm</i> (M. Sholokhov)	39
Hoàng Thị Tuyết Mai - Thế giới trắng trong thơ Nguyễn Huy Oánh	45
Nguyễn Diệu Linh - Cá sinh trong văn hóa ẩm thực của người Thái trắng ở xã Sơn A, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	49
Nguyễn Thị Tân Tiến, Hà Thị Hằng - Sự khác biệt về kết quả chuẩn đầu ra tin học của sinh viên học học phần Tin học đại cương với sinh viên đạt chứng chỉ IC3 ở trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	55
Đầu Thị Thu - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp	61
Nguyễn Ngọc Bích, Dương Tố Quỳnh - Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn bóng chuyền cho sinh viên trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	67
Lưu Quang Sáng - Một số phương pháp dạy học chữ Hán cho người Việt	73
Hoàng Thị Hải Yến - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên hiện nay	79
Phùng Thị Tuyết, Nông Hồng Hạnh - Đánh giá trong dạy học qua đề án ở bộ môn tiếng Trung Quốc - Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	85
Trần Hoàng Tinh - Thực trạng và biện pháp xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	91
Hoàng Thị Lý - Vai trò của hoạt động giảng dạy trong việc làm tăng khả năng đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên năm nhất	97
Dương Thị Hồng An, Đặng Phương Mai - Đánh giá phần mềm hỗ trợ học tập và giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên	103
Tạ Thị Mai Hương, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Thị Hạnh Hồng - Tác động của việc sử dụng hồ sơ bài tập lên sự phát triển kĩ năng nghe hiểu của sinh viên: nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên	109
Trần Tuấn Anh, Đỗ Văn Hải, Trần Thị Thu Thủy, Hoàng Văn Hùng - Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu phục vụ công tác quản lý tại phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	115
Nguyễn Thị Gấm, Đào Thị Hương - Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ ngân hàng tới sự thỏa mãn của khách hàng tại Vietinbank - chi nhánh Thái Nguyên	121
Nguyễn Thị Thanh Thủy - Đầu tư trực tiếp nước ngoài với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam	129

Chu Thị Hà, Đỗ Thị Hà Phương, Nguyễn Thị Giang, Lin Xiao Wu - Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tri thức tại Việt Nam	135
Trần Viết Khanh, Đỗ Thúy Mùi - Một số giải pháp phát triển nông nghiệp vùng Tây Bắc	141
Nguyễn Thị Lan Anh - Tăng cường quản lý sử dụng kinh phí cho hoạt động y tế tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	147
Nguyễn Thị Giang, Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Hồ Lương Xinh - Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nấm ăn của các hộ gia đình ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	153
Đỗ Thị Vân Hương - Phân tích hiệu quả mô hình trồng cây cà phê chè (<i>Arabica</i>), cây mắc ca (<i>Macadamia</i>) tại xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	159
Đặng Ngọc Huyền Trang, Dương Thị Thùy Linh - Xác định mối quan hệ giữa nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài và cán cân thương mại ở Việt Nam	165
Dương Thị Tinh - Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2016 và giải pháp cho những năm tiếp theo	171
Phạm Thị Thanh Mai, Nghiêm Thị Ngoan - Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên	177
Nguyễn Thị Thảo - Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015	183
Nguyễn Thị Lan Anh, Đào Thị Hương - Phát triển mối liên kết các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành hàng chè tỉnh Thái Nguyên	189
Trần Thùy Linh, Đỗ Hoàng Yến - Hoàn thiện các quy định về xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo Luật Cạnh tranh 2004	195
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Ngô Thị Quỳnh Trang, Phạm Thị Thu Phương, Hoàng Thị Lan Hương - Các rào cản trong việc áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN tại Hà Nội	201
Phan Thị Vân Giang, Phạm Bảo Dương - Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm liên kết kinh tế trong chăn nuôi và tiêu thụ lợn thịt	207

ĐẢM BẢO QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CHÈ MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “TÂN CƯƠNG” CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Thị Thanh Mai^{1*}, Nghiêm Thị Ngoan²

¹Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

²Viện Dầu khí Việt Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đã đề cập đến tính cấp thiết phải đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) cho sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý (CDĐL) “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên thông qua việc đánh giá thực trạng vi phạm quyền SHTT đối với sản phẩm này và nguyên nhân. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn, điều tra, khảo sát người sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm chè mang nhãn hiệu “Tân Cương” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận để đánh giá mức độ vi phạm từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo quyền SHTT đối với sản phẩm này như: Xây dựng mô hình quản lý hoạt động thực thi quyền SHTT đối với CDĐL phù hợp; Xây dựng quy chế liên ngành; Xây dựng quy trình xử lý vi phạm quyền SHTT; Tập huấn, đào tạo về nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về thực thi quyền SHTT đối với CDĐL; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành pháp luật đối với các tổ chức, các nhân tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Từ khóa: Sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, chè, Tân Cương, Thái Nguyên

MỞ ĐẦU

Sản xuất chè là ngành kinh tế rất quan trọng và đem lại giá trị kinh tế lớn, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, sản phẩm chè của vùng Tân Cương rất nổi tiếng trên thị trường, được bán trên hầu hết các tỉnh và xuất khẩu sang một số nước.

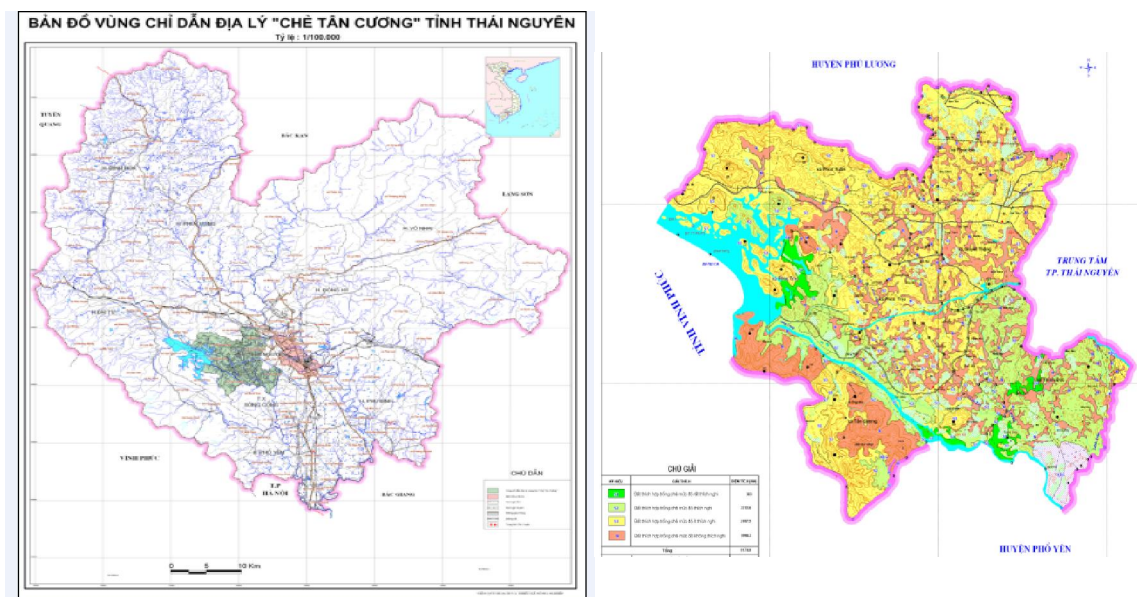
Để nâng cao được giá trị kinh tế và mở rộng được thị trường tiêu thụ, đảm bảo về chất lượng, uy tín, cũng như nguồn gốc, xuất xứ cho sản phẩm, năm 2007 sản phẩm chè của vùng Tân Cương đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý (CDĐL) “Tân Cương” tại Quyết định số: 1144/QĐ-SHTT, ngày 20/9/2007 [1]. CDĐL là tên gọi những sản phẩm gắn liền với nguồn gốc địa lý của sản phẩm đó, và chính nguồn gốc địa lý này là yếu tố cơ bản nói lên uy tín, chất lượng của sản phẩm đó [3], [4]. Từ đây sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” đã trở thành thương hiệu nổi tiếng.

Sản phẩm chè được bảo hộ mang CDĐL “Tân Cương” có những đặc điểm về hình thái và chất lượng như: có màu xanh tự nhiên và xoăn chắc; Màu nước xanh hơi ngả vàng, trong sáng, sánh; Mùi thơm mạnh, mùi cốm

và bền; Vị chất đậm dịu, hài hoà, hậu ngọt, không có vị xít, đắng. Tính chất đặc thù về các chỉ tiêu sinh hoá như: Tanin: trung bình 27,52% (từ 21,35% - 30,99%); Chất hoà tan: trung bình 45,5% (từ 40% - 46,08%); Cafein: trung bình 3,2% (từ 2,04% - 3,98%); Không có tạp chất sắt. Các chất thơm: Methyl phthalat: trung bình 3,26% (từ 0,98% - 6,12%); Caryophyllen oxid: trung bình 5,37% (từ 2,67% - 12,83%); Methyl phthalat: trung bình 3,26% (từ 0,98% - 6,12%) [2].

Tuy nhiên, khi danh tiếng của sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” được nâng lên, thị trường được mở rộng thì đồng thời tình trạng vi phạm quyền SHTT đối với sản phẩm cũng tăng theo. Trên thị trường hàng giả, hàng kém chất lượng mang CDĐL “Tân Cương” được phát hiện khá nhiều. Nhiều tổ chức, cá nhân đã có hành vi vi phạm quyền SHTT đối với CDĐL “Tân Cương”. Các vi phạm về quyền SHTT đối với sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” xảy ra trong tất cả các công đoạn từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kinh doanh sản phẩm trên thị trường ở nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên [3], [4]. Chính vì vậy, việc thực thi các biện pháp nhằm đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm Chè mang CDĐL “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên được đặt ra cấp thiết.

* Tel: 0912804979; Email: phamthanhmai1979@yahoo.com



Hình 1. Bản đồ vùng chỉ dẫn địa lý “Chè Tân Cương” Thái Nguyên [2]

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Công trình sử dụng một số phương pháp nghiên cứu trong thống kê, bao gồm:

- Thu thập và phân tích, tổng quan các tài liệu thứ cấp về tình hình sản xuất - kinh doanh của các đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm chè mang nhãn hiệu “Tân Cương” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; các chính sách, luật pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ và bảo hộ, chỉ dẫn địa lý.

- Điều tra thực địa: Nghiên cứu tiến hành khảo sát thị trường, điều tra, nghiên cứu xã hội học, phỏng vấn sâu các chủ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” kinh doanh trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên như ở khu vực huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Bình, thành phố Thái Nguyên, Sông Công, thị xã Phổ Yên và ở các tỉnh lân cận như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Hải Dương để đánh giá tình trạng vi phạm quyền SHTT thông qua 150 phiếu điều tra đối với một số tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm trên địa bàn tỉnh và 50 phiếu trên địa bàn ngoài tỉnh.

- Phương pháp chuyên gia và nghiên cứu tình huống: Phương pháp này được sử dụng để tham vấn và kiểm nghiệm các luận chứng, phân tích, đánh giá thông qua các chuyên gia

đầu ngành nghiên cứu về quyền sở hữu trí tuệ và chỉ dẫn địa lý.

- Phương pháp phân tích thống kê, phân tích được sử dụng để đánh giá nhằm lựa chọn ra mô hình tổ chức quản lý phù hợp.

THỰC TRẠNG VI PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CHÈ MANG CDĐL “TÂN CƯƠNG” THÁI NGUYÊN

Chất lượng của nhiều sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn bảo hộ

Hiện nay sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” được cấp cho khu vực địa lý gồm 6 xã Tân Cương, Phúc Triu, Phúc Xuân, Quyết Thắng, Thịnh Đức, Phúc Hà [5]. Do điều kiện sản xuất của các cơ sở (chủ yếu là nông hộ) rất khác nhau, nhiều giống chè khác nhau, phương pháp chăm sóc và chế biến chủ yếu là thủ công nên sản phẩm tạo ra không đảm bảo chất lượng theo quy định nhưng các cơ sở vẫn gắn CDĐL “Tân Cương” trên sản phẩm của mình và bán ra thị trường. Thực tế vùng CDĐL “Tân Cương” được bảo hộ có hơn 7400 hộ sản xuất trồng chè với diện tích trồng chè 4.861,8 ha với nhiều giống chè khác nhau. Theo quy định, CDĐL Tân Cương được cấp cho giống chè Trung du nhưng hiện tại giống chè này chỉ chiếm trên 40% diện tích do các hộ trồng giống chè mới có năng suất cao hơn (Số liệu điều tra của nhóm

nguyên cứu). Hiện tại địa phương đã đề xuất bổ sung các giống chè mới vào bảo hộ nhưng chưa được cục SHTT chấp nhận.

Đa số các cơ sở sản xuất, chế biến vi phạm quyền sử dụng CDĐL “Tân Cương”, sản phẩm không có xuất xứ từ vùng được bảo hộ

Tính đến tháng 6/2017 chỉ có 02 công ty, 01 Hợp tác xã, 01 tập thể (Hội phát triển CDĐL chè Tân Cương) được cấp quyền sử dụng CDĐL, nhưng trong thực tế tất cả các hộ (thuộc vùng CDĐL được bảo hộ) khi chế biến sản phẩm thành hàng hoá đều mua nhãn có cụm từ “Tân Cương” gắn trên sản phẩm của mình để bán ra thị trường [2]. Một số cơ sở sản xuất và chế biến trong khu vực địa lý được bảo hộ đã mua chè búp tươi từ các vùng khác về chế biến và sử dụng chỉ dẫn địa lý gắn cho sản phẩm nhằm lợi dụng danh tiếng Chè Tân Cương để trục lợi. Thực tế, tỉnh Thái Nguyên cũng chưa có cơ chế để kiểm soát vấn đề này. Nhóm nghiên cứu đã phát hiện một số cơ sở kinh doanh vi phạm quyền SHTT. Cụ thể, các cơ sở, doanh nghiệp này vừa sản xuất chè búp tươi, vừa thu mua nguyên liệu chè búp tươi về chế biến, một số còn lại chỉ thu mua nguyên liệu chè búp tươi về chế biến thành sản phẩm chè mang nhãn hiệu “Tân Cương” nhưng chưa được cấp quyền sử dụng và không tuân thủ quy trình chế biến đã được công bố (*Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu*).

Không chỉ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mà ở một số địa phương khác như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Hải Dương ... đều có cửa hàng bán sản phẩm chè “Tân Cương” vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với CDĐL “Tân Cương” đã được bảo hộ. Nhóm nghiên cứu đã phát hiện một số cơ sở kinh doanh vi phạm quyền SHTT: Thái Nguyên (15 cơ sở), thành phố Hà Nội (03 cơ sở), thành phố Hải Phòng (03 cơ sở), tỉnh Bắc Giang (03 cơ sở) và tỉnh Hải Dương (03 cơ sở) (*Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu*).

NGUYÊN NHÂN

+ UBND tỉnh Thái Nguyên có quyền chủ sở hữu đối với CDĐL và giao quyền quản lý đối với CDĐL “Tân Cương” cho Sở KH&CN Thái Nguyên vào năm 2011 [5]. Tuy nhiên

hiệu quả, hiệu lực tự bảo vệ quyền SHTT cho sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” của chủ sở hữu và các chủ thể quyền còn thấp do năng lực của chủ sở hữu còn rất hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế, thể hiện ở những điểm sau:

- Chủ sở hữu và chủ thể quyền chưa có kinh nghiệm trong hoạt động thực thi quyền. Việc thực thi quyền còn lúng túng, đa số chủ thể quyền chưa nắm được quy trình thực hiện, chưa xác định được trách nhiệm của mình trong việc tự bảo vệ quyền SHTT cho sản phẩm của mình, mà coi đây là nhiệm vụ của các cơ quan thực thi nhà nước và chưa chủ động yêu cầu các cơ quan thực thi xử lý các vụ vi phạm quyền SHTT.

- Mô hình tổ chức quản lý hoạt động thực thi quyền SHTT cho sản phẩm trên địa bàn chưa được xây dựng.

- Bộ máy tổ chức về thực thi quyền SHTT của cơ quan quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu do số lượng cán bộ ít, kinh nghiệm thực thi quyền SHTT của các cán bộ còn hạn chế. Nguồn lực để thực thi quyền SHTT còn rất khó khăn, thiếu cán bộ chuyên môn để triển khai các biện pháp tự bảo vệ, chưa bố trí cán bộ riêng cho hoạt động SHTT, đồng thời những cán bộ của các tổ chức này thường là phải kiêm nhiệm nhiều việc cũng không được đào tạo chuyên môn nhằm đảm bảo cho thực thi quyền SHTT.

- Hệ thống văn bản về chế tài xử lý, quy trình thực hiện, quy định phối hợp giữa các cơ quan thực thi chưa đầy đủ.

- Cơ sở vật chất cho hoạt động thực thi quyền SHTT còn chưa đầy đủ, thiếu trang thiết bị để chống làm giả và phát hiện các hành vi vi phạm. Các trang thiết bị phục vụ cho kiểm nghiệm, đánh giá, giám định chất lượng hàng hóa, tem, nhãn... còn chưa được đầu tư trang bị.

- Hoạt động thực thi quyền SHTT hiện nay chủ yếu tập trung vào tham mưu ban hành các văn bản quy phạm về thực thi quyền cho các sản phẩm được bảo hộ trên địa bàn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho các bộ làm nhiệm vụ thực thi, tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về SHTT đối với các tổ chức cá nhân sản xuất, chế biến và kinh

doanh sản phẩm được bảo hộ và phối hợp xử lý các vụ vi phạm quyền SHTT trên địa bàn.

- Việc xử lý các hành vi vi phạm quyền SHTT có thể thực hiện bằng các biện pháp dân sự, hành chính và hình sự [3], [4]. Nhưng do hệ thống các cơ quan thực thi quyền SHTT của địa phương chưa đầy đủ, nên biện pháp chủ yếu hiện nay vẫn là xử lý bằng hành chính và do thanh tra chuyên ngành (Thanh tra Khoa học và công nghệ) thực hiện. Các cơ quan khác như Quản lý thị trường, Tòa án, công an thực tế chưa có cán bộ chuyên trách về lĩnh vực SHTT và cũng chưa quan tâm, chưa có điều kiện thực hiện hoạt động này.

Trong các nguyên nhân nêu trên, nguyên nhân ảnh hưởng nhiều nhất đến việc tổ chức các hoạt động thực thi quyền SHTT đó là trên địa bàn chưa có mô hình quản lý hoạt động thực thi để áp dụng. Điều này dẫn đến, khi xảy ra vi phạm, các chủ thể quyền sở hữu CDĐL cũng như cơ quan quản lý còn lúng túng, chưa biết thực hiện hay cơ quan nào có trách nhiệm xử lý, thủ tục tiến hành như thế nào.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

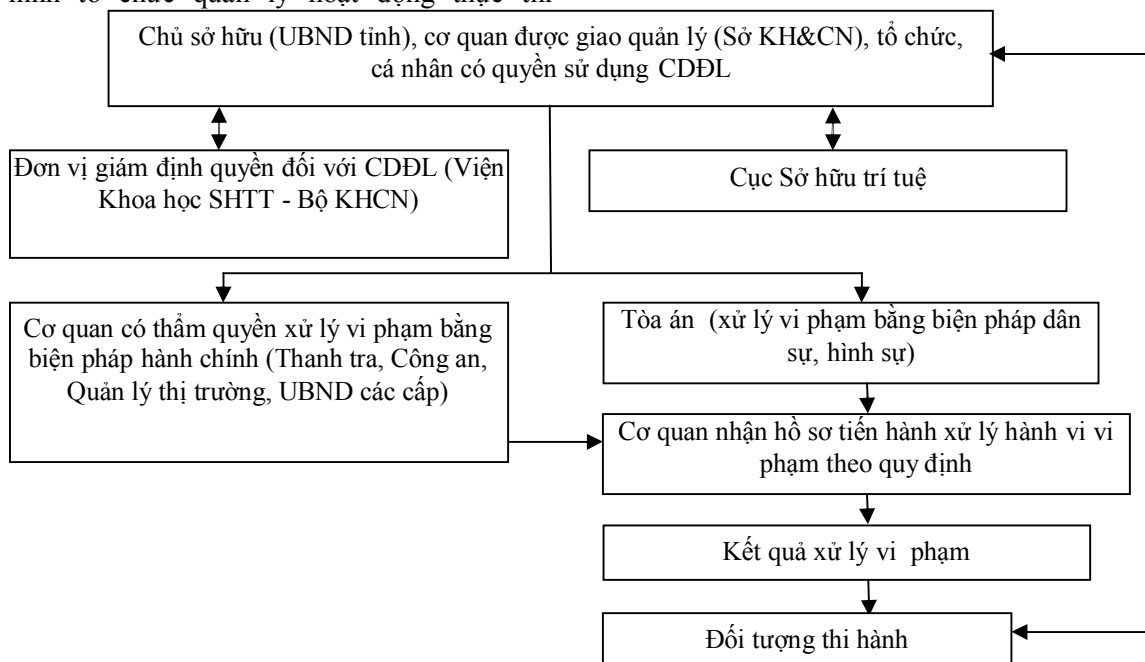
Đề xuất mô hình tổ chức quản lý hoạt động thực thi quyền SHTT

Thái Nguyên vẫn chưa xây dựng được mô hình tổ chức quản lý hoạt động thực thi

quyền SHTT cho sản phẩm trên địa bàn. Điều này dẫn đến, khi xảy ra vi phạm, các chủ thể quyền sở hữu CDĐL cũng như cơ quan quản lý còn lúng túng, chưa biết thực hiện như thế nào, chưa nắm được cơ quan nào có trách nhiệm xử lý và thủ tục tiến hành ra sao. Để đảm bảo hoạt động thực thi quyền SHTT cho sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” có hiệu quả, cần ưu tiên xây dựng mô hình tổ chức quản lý hoạt động thực thi phù hợp với điều kiện của địa phương, làm rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, cơ chế phối hợp trong hoạt động và trách nhiệm của cơ quan chủ trì, của các cơ quan phối hợp. Dưới đây sẽ đề xuất mô hình tổ chức quản lý đảm bảo hoạt động thực thi quyền SHTT cho CDĐL phù hợp với điều kiện Thái Nguyên.

Xây dựng quy chế liên ngành đảm bảo thực thi quyền SHTT cho sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương”

Thực thi quyền SHTT tại Việt Nam được tiến hành theo ba cách thức, đó là biện pháp dân sự, biện pháp hành chính và biện pháp hình sự. Quy chế phối hợp được ban hành là cơ sở pháp lý để cơ quan chủ trì huy động được nguồn lực (cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực), tiến hành tổ chức hoạt động thực thi quyền SHTT trên địa bàn đạt hiệu quả.



Hình 2. Mô hình tổ chức quản lý đảm bảo hoạt động thực thi quyền SHTT cho CDĐL tỉnh Thái Nguyên

Quy chế liên ngành đảm bảo hoạt động thực thi (bảo vệ) quyền SHTT đối với sản phẩm chè mang CDĐL “Tân Cương” giữa các cơ quan thực thi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, phải đảm bảo các yêu cầu chung:

- Đảm bảo tính hợp pháp: phù hợp với các quy định khác của pháp luật, không trái luật về xử lý các hành vi vi phạm;
- Đảm bảo tính thực tiễn: mô hình phù hợp với điều kiện cụ thể của các đơn vị thực thi quyền SHTT hiện nay trên địa bàn (cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực và năng lực tổ chức thực hiện);
- Đảm bảo tính hiệu quả: đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành cũng như có hiệu lực trong tổ chức các hoạt động cụ thể về thực thi quyền SHTT sản phẩm chè mang CDĐL Tân Cương”.

Nội dung của quy chế cần giải quyết được những vấn đề: Xác định được phạm vi phối hợp về công tác chỉ đạo, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hoạt động trao đổi thông tin, tài liệu liên quan; công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về thực thi quyền SHTT, công tác xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo hộ quyền SHTT; Đưa ra nguyên tắc phối hợp theo nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 trên cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ của các bên; Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở KH&CN trong hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quyền SHTT; Hình thức phối hợp phải đa dạng, thuận lợi và có tính khả thi cao; Nội dung phối hợp phải được cụ thể, chi tiết và rõ ràng.

Xây dựng quy trình xử lý đơn yêu cầu “Xử lý vi phạm quyền SHTT cho sản phẩm chè mang CDĐL Tân Cương”

Xử lý vi phạm quyền SHTT cho sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý (CDĐL) “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên chính là xử lý vi phạm quyền SHTT. Quy trình được ban hành sẽ là cơ sở pháp lý để cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch, huy động nguồn lực trong tổ chức xử lý vi phạm quyền SHTT khi có đơn yêu cầu. Đồng thời là tài liệu hướng dẫn cho Chủ thể quyền CDĐL cách thức xây dựng hồ sơ yêu cầu xử lý và các cơ quan xử

lý vi phạm các thức tổ chức thực hiện các hoạt động xử lý vi phạm. Quy trình xử lý đơn yêu cầu “Xử lý hành vi vi phạm quyền SHTT đối với sản phẩm chè Tân Cương của tỉnh Thái Nguyên” phải đáp ứng được các yêu cầu về tính hợp pháp, tính thực tiễn và tính hiệu quả, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đơn vị trong công tác quản lý, điều hành cũng như tổ chức các hoạt động cụ thể về thực thi quyền SHTT.

Việc xử lý hành vi vi phạm quyền SHTT được thực hiện bằng 03 biện pháp dân sự, hành chính và hình sự, vì vậy cần xây dựng 03 quy trình cho 03 biện pháp tương ứng. Mỗi quy trình sẽ đưa ra được trình tự các bước thực hiện và nội dung thực hiện của từng bước, từ khi phát hiện dấu hiệu vi phạm quyền SHTT đến kết quả xử lý cụ thể. Quy trình xử lý bao gồm: Tổ chức phát hiện hành vi vi phạm quyền; Nộp đơn yêu cầu giám định (nếu cần); Chuẩn bị hồ sơ và nộp đơn yêu cầu xử lý; Cơ quan thụ lý hồ sơ tiến hành xử lý vi phạm.

Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức cho người sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm mang CDĐL, đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ thực thi quyền SHTT

Mục đích của công tác đào tạo, tập huấn là nhằm nâng nhận thức của người sản xuất, kinh doanh sản phẩm về quyền và trách nhiệm của mình đối với sản phẩm được bảo hộ, về nhận diện các dấu hiệu vi phạm quyền SHTT và quy trình xử lý vi phạm đối với sản phẩm.

Đối với cán bộ thực thi quyền SHTT cần phải được đào tạo chuyên sâu, tập huấn chuyên môn về thực thi quyền SHTT để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ. Nội dung đào tạo: Bổ sung kiến thức về quyền SHTT và nhận diện các tài sản trí tuệ; Nâng cao kỹ năng xác định yếu tố vi phạm, giám định SHTT; Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra, nghiệp vụ xử lý vi phạm quyền SHTT bằng các biện pháp hành chính, dân sự và hình sự; Đào tạo trình tự, thủ tục để chủ thể quyền sở hữu CDĐL yêu cầu các cơ quan thực thi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước sự vi phạm của người khác; Kinh nghiệm tự bảo vệ quyền SHTT của các chủ thể quyền sở hữu; Kinh nghiệm xử lý ở một số địa phương.

Tăng cường công tác truyền thông

Một trong những nguyên nhân làm cho tình trạng vi phạm quyền SHTT đang diễn ra phổ biến là do nhận thức của người dân về SHTT chưa đầy đủ, rất nhiều tổ chức, cá nhân vi phạm quyền do không nắm được quy định, thiếu kiến thức về quyền SHTT. Người dân còn chưa nhận thức đúng mức về trách nhiệm tự bảo vệ SHTT của mình, còn coi đây là nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước. Chính vì vậy, mục đích của công tác truyền thông là nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền SHTT, về thực thi quyền SHTT và quyền lợi, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động này. Biện pháp tăng cường truyền thông thông qua hội nghị phổ biến kiến thức, phát tờ rơi, phát hành ấn phẩm và tuyên truyền trên Báo Thái Nguyên, trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Nguyên, biên soạn và phát hành tài liệu "Cẩm nang xử lý vi phạm quyền SHTT đối với sản phẩm chè mang CDĐL "Tân Cương" với mục đích cung cấp quy trình, kinh nghiệm cho các chủ thể quyền sở hữu và các cán bộ làm công tác thực thi quyền SHTT cho sản phẩm chè mang CDĐL "Tân Cương".

KẾT LUẬN

Hoạt động thực thi quyền SHTT cho sản phẩm chè mang CDĐL "Tân Cương" của tỉnh Thái

SUMMARY

GUARANTEE FOR INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS ON THE "TAN CUONG" TEA GEOGRAPHICAL INDICATIONS OF THAI NGUYEN PROVINCE

Nguyên có ý nghĩa quan trọng đến phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng vi phạm quyền SHTT, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp đảm bảo thực thi quyền SHTT đối với sản phẩm chè mang CDĐL "Tân Cương" của tỉnh Thái Nguyên. Khi các giải pháp này được thực hiện đồng bộ và nhân rộng sẽ nâng cao được thương hiệu của sản phẩm và mở rộng được thị trường tiêu thụ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững sản phẩm chè mang CDĐL "Tân Cương".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Sở hữu trí tuệ (2007), *QĐ số 1144/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chỉ dẫn địa lý "Tân Cương" cho sản phẩm chè của tỉnh Thái Nguyên*.
2. Nguyễn Văn Vỵ (2016), *Tăng cường hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý "Tân Cương" của tỉnh Thái Nguyên*, Dự án của Liên Hiệp các Hội KH&KT Thái Nguyên.
3. Quốc hội (2005), *Luật sở hữu trí tuệ*, số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
4. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ*, số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009.
5. UBND tỉnh Thái Nguyên (2011), *QĐ số 1880/QĐ-UBND về việc giao cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý Chỉ dẫn địa lý "Tân Cương"*.

Phạm Thị Thanh Mai^{1*}, Nghiem Thi Ngoan²

¹TNU University of Economics and Business Administration

²Vietnam Petroleum Institute

This research mentioned the need to ensure intellectual property rights (IPRs) for "Tan Cuong" tea geographical indication of Thai Nguyen province through assessing the actual situation of infringements IPRs to these products and its causes. The study used the method of interviewing, investigating and surveying the producers, processors and traders of "Tan Cuong" tea products in Thai Nguyen and some neighboring provinces to assess the infringement and propose some solutions to ensure the IPRs for these products such as: Building suitable models for management of IPRs enforcement activities for geographical indication; Building co-operate regulations to ensure the enforcement of IPRs; Building a process to solve for IPRs infringement; Training for staff specialized in IPRs enforcement with geographical indication; Public and guidance of law enforcement for organizations and individuals involved in the production and trading of products.

Keywords: Intellectual Property, Geographical Indication, Tea, Tan Cuong, Thai Nguyen

Ngày nhận bài: 26/9/2017; **Ngày phản biện:** 18/10/2017; **Ngày duyệt đăng:** 29/12/2017

* Tel: 0912804979; Email: phamthanhmai1979@yahoo.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Bui Hoang Tan - Ownership situation public field-land in Ha Chau district, Ha Tien province through studying cadastral registers of Minh Mang dynasty 17 (1836)	3
Doan Thi Yen - Tu Duc king's attitude towards Catholicism before and after 1962	9
Tran Minh Thuan - The land problems and spontaneous fights of farmers in Bac Lieu province under the French domination	15
Dong Van Quan - Types of democratic regime in the history and the present socialist democratic regime in our country	21
Le Thi Giang, Le Thi Huong - The original of formation of Ho Chi Minh thought on human beings, human development	27
Cao Thi Phuong Nhung, Ngo Thi Quang - Ho Chi Minh's talk about the study of theoretics in "the orientation speech at the opening ceremony of the first theoretics class at Nguyen Ai Quoc Institute"	33
Luu Thu Trang - The tragedy of Grigori Melekhov reflected in the relationship between Aksinia and Natalia in <i>Quietly Flows the Don</i> (M. Sholokhov)	39
Hoang Thi Tuyet Mai - The moon in Nguyen Huy Oanh's poetry	45
Nguyen Dieu Linh - <i>Onychostoma laticeps</i> in culinary culture of white Thai people in Son A commune, Van Chan district, Yen Bai province	49
Nguyen Thi Tan Tien, Ha Thi Hang - The differences of learning outcomes of students having taken the general informatics course with students obtaining the IC3 certificate at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	55
Dau Thi Thu - Training pedagogical profession for students through real professional activity experience	61
Nguyen Ngoc Binh, Duong To Quynh - Testing and assessing the learning outcome of the volleyball subject for students at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	67
Luu Quang Sang - Some suggestions of teaching Chinese characters for Vietnamese students	73
Hoang Thi Hai Yen - Applying Ho Chi Minh' ideology about morality in building morals, lifestyle of students in Thai Nguyen University of Technology currently	79
Phung Thi Tuyet, Nong Hong Hanh - Assessment of the project-based teaching and learning of the students major in Chinese at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	85
Tran Hoang Tinh - Situation and measures for planning and directing the implementation of disciplined education for students at centers for national defense and security education	91
Hoang Thi Ly - role of scaffolding activities in enhancing english reading skills among first year college students	97
Duong Thi Hong An, Dang Phuong Mai - Evaluating the EFL courseware at Thai Nguyen University of Information and Communication Technology	103
Ta Thi Mai Huong, Nguyen Van Thinh, Nguyen Thi Hanh Hong - Effects of portfolios on improving listening comprehension skill for students: a case study at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	109
Tran Tuan Anh, Do Van Hai, Tran Thi Thu Thuy, Hoang Van Hung - Research building multipurpose database to service land mangement in Coc Leu ward, Lao Cai city	115
Nguyen Thi Gam, Dao Thi Huong - Influence of service quality on customer satisfaction at Vietinbank- Thai Nguyen branch	121
Nguyen Thi Thanh Thuy - Foreign direct investment with the socio-economic development of Vietnam	129

Chu Thi Ha, Do Thi Ha Phuong, Nguyen Thi Giang, XiaoLi Wu - Factors affecting knowledge workers' job motivation in vietnamese enterprises	135
Tran Viet Khanh, Do Thuy Mui - Some agricultural development solutions in Tay Bac	141
Nguyen Thi Lan Anh - Enhanced management in use expense resources of health care activities in Thai Nguyen National General Hospital	147
Nguyen Thi Giang, Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Ho Luong Xinh - Solution to improve economic efficiency of mushroom production at households in Dai Tu district, Thai Nguyen province	153
Do Thi Van Huong - Analyse efficiency of Arabica and Macadamia crops at Ang To commune, Muong Ang district, Dien Bien province	159
Dang Ngoc Huyen Trang, Duong Thi Thuy Linh - Determining relationship between foreign direct investment inflow and trade balance in Vietnam	165
Duong Thi Tinh - Status of restructuring state-owned enterprises in 2016 and solutions for next years	171
Pham Thi Thanh Mai, Nghiem Thi Ngoan - Guarantee for intellectual property rights on the "Tan Cuong" tea geographical indications of Thai Nguyen province	177
Nguyen Thi Thao - Implementation results of the poverty reduction program in Thai Nguyen province in 2011-2015	183
Nguyen Thi Lan Anh, Dao Thi Huong - The development of the relationship between workers in the value brand only chain in Thai Nguyen province	189
Tran Thuy Linh, Do Hoang Yen - Improving regulations on defining dominant abusive practices under Vietnamese Competition Law 2004	195
Nguyen Thi My Hanh, Ngo Thi Quynh Trang, Pham Thi Thu Phuong, Hoang Thi Lan Huong - Barriers to ASEAN green hotel standard in the hotel industry: a case study in Ha Noi	201
Phan Thi Van Giang, Pham Bao Duong - Some theoretical issues and experience lessons of integration in pig raising and pork consumption	207